



Nguyễn Trãi

(tiếp theo)

Sau nhiều giờ đồng hồ, chiếc xe GMC chở tôi và các anh em khác đã bắt gặp Trung Đoàn. Tôi bị chứng ngũ sắc hoa mắt chỉ thấy toàn những màu xanh, đỏ, tím, vàng mà không còn nhìn thấy gì hết, nhưng tai vẫn nghe được. Thì ra Trung Đoàn cũng bị chặn lại không di chuyển dễ dàng. Không biết lúc ấy Bộ Binh còn hàng ngũ và theo lệnh chỉ huy của cấp trên hay không? Tôi nghe thấy tiếng ông Đại Tá Lê Cần, Trung Đoàn Trưởng 47, người rất thân thiện leo lên xe thăm tôi, và ra lệnh cho thuộc cấp,

-“Khiêng tất cả anh em Pháo Binh qua bên kia sông và bỏ lên chiếc xe của mình tiếp tục chờ họ đi.”

Tôi cũng nghe lần lượt tiếng nói của Đại Úy Chương -Sĩ Quan Trục của Trung Tâm Phối Hợp Hỏa Lực Trung Đoàn, của Trung Tá Nguyễn Trùng Hanh -Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 220 PB, và các người khác leo lên hỏi thăm tôi. Không ngờ, lần ấy là lần sau cùng chúng tôi không bao giờ gặp nhau nữa.

Lính Bộ Binh đã khiêng tất cả chúng tôi qua bên kia sông bỏ lên một chiếc xe khác. Tài xế bây giờ không còn là lính của tôi nữa, coi như tôi thực sự “bị lạc đàn” bởi vì chỉ có lính của mình mới lo cho mình nặng tình hơn là của binh chủng khác.

Chiếc xe chạy cũng được khá lâu trên những miếng đất gồ ghề (không còn được chạy trên đường quốc lộ nữa). Bỗng chiếc xe dừng lại, im lặng một lúc, tôi nghe tiếng nói lớn “Bắn vô xe! Bắn vô xe!” Tôi không hiểu người tài xế Bộ Binh này muốn bỏ xe chạy bộ vì không thể lái được nữa, hay là địch đang bao vây? Tôi sợ bắn vào xe sẽ chết người trên xe nên tôi la lớn “Đừng bắn! Có người trên xe.”

Giây phút này tôi thực sự bị đau điếng trong lòng, vì tôi biết chắc rằng không còn ai lo cho tôi nữa. Lính Pháo Binh của tôi đã đi xa từ sáng. Lính Bộ Binh lo thân họ chưa xong thì lấy gì lo cho tôi. Thà rằng tôi bị viên đạn đi thẳng vào đầu và chết ngay lúc sáng thì đỡ đau khổ hơn là tôi bị bỏ rơi lại chiến trường lúc này. Máu và huyết tương vẫn chảy ra ướt lưng áo, nhất là vết thương ở sau cổ. Tâm trạng của tôi tuyệt vọng hoàn toàn. Tôi biết chắc bị ở lại đây, đến ngày mai rồi cũng chết vì đói khát, vì nhiễm trùng, nếu VC không bắn khi gặp.

Như một bản năng sinh tồn, tôi cố lết tới gần thành ghế chiếc xe GMC lấy hai tay dùng hết sức lực kéo thân người nhô cao lên để nhìn ra bên hông xe, mắt chỉ thấy ngũ sắc nhiều màu quay cuồng, không thấy rõ, chỉ thấy từng đoàn đập diu bóng đen chạy ngang qua xe dưới mặt đất.

Tôi mệt quá và gục đầu lên thành ghế xe coi như chấp nhận thương đau, rồi thiếp đi.

Bỗng có tiếng kêu “Trời ơi! Đại Úy, sao Đại Úy nằm đây?” Tôi còn nhận biết ra tiếng của Hạ Sĩ Nhứt Loan, người Nam, hay làm thọt chớ trong đơn vị. Một mình Loan tình cờ chạy ngang qua đây và nhìn thấy tôi gục trên thành ghế xe.

Một điều rất may mắn đến cho tôi rằng tôi gặp được người lính của tôi và ai xui khiến sao để nhìn thấy và đem hết lòng cứu tôi lúc bấy giờ. Giờ phút này chỉ có tình nghĩa, lương tâm chứ không phải bổn phận của thuộc cấp. (Về sau tôi hiểu em gái tôi xui khiến để người Hạ Sĩ này nhìn thấy tôi, và đem hết lòng ra cứu giúp.)

Loan lẩm bẩm nói một mình như trách ai đó, “Sao tụi mày đành bỏ Đại Úy một mình ở đây?”, rồi Loan nói lớn hơn:

- “Đại Úy lết ra đây, tôi cũng Đại Úy đi. Lết ra lết ra!”

Loan nói trong tiếng thở dốc vì chạy bộ đã mệt. Tôi cũng cố gắng lết ra tới cửa sau xe, tôi nói cho Loan nghe rõ:

- “Sao mà Loan cũng cho nổi, đường còn xa lắm?”

- “Kệ nó tới đâu hay tới đó. Chắc cũng phải ba bốn chục cây số nữa mới tới Quy Nhơn.” Loan bảo.

Loan đưa lưng vào bảo tôi ôm cổ hắn, nhưng tôi chỉ ôm một tay vì tay còn lại bị thương không nhúc nhích gì được. Loan vòng một tay ra sau, bợ mông tôi và bước đi lạng quạng. Tôi biết là không thể nào để cũng như thế này lâu hơn được. Tôi bị trĩ xuống vì một tay không giữ nổi thân tôi, trong khi một tay của Loan cũng không nâng tôi lên hoài được, cứ từ từ tụt xuống. Loan lại ngừng để sóc người tôi lên. Một tay Loan cầm khẩu M16, tôi nói:

- “Sao không bỏ súng đi?”

- “Để tử thủ, Đại Úy ạ.” Hắn nói.

Giữa trưa nắng chang chang, người đẫm mồ hôi nhưng Loan không hề nao núng, không than một lời. Tôi nhắm nghiền mắt và phó thác cho định mệnh.

May mắn làm sao, tình cờ Trung Úy Sinh, đang đứng giữa miếng đất hoang có nhiều bụi cây, nhìn thấy Loan đang cõng tôi. Sinh cũng đang đi một mình. Tôi nghe Sinh nói:

- “Để Đại Úy xuống! Để Đại Úy xuống nằm đây. Tôi đi tìm lính của mình.”

Một lúc sau Sinh dẫn về sáu người lính trong pháo đội, tôi cũng không nhìn được là ai. Sinh nói

- “Để tôi đi tìm cái võng.”

Đám lính vây quanh tôi, hỏi han, và nói chuyện với Loan. Máu và huyết tương trong người tôi vẫn tiếp tục ứa ra. Các

miếng băng vết thương khi sáng lúc bị thương, bây giờ có cái còn dính, cái rớt lòng thòng. Hạ Sĩ Y Tá giờ này đã thất lạc đâu rồi. Sinh đi đâu khá lâu, mang về một cái vông nylon. Hai người khiêng bỏ tôi vào vông xong, Trung Úy Sinh nói như ra lệnh:

- “Các anh hai người một, khiêng Đại Úy đi. Đến khi nào mệt thì đổi cặp khác.”

Tôi biết chắc lần này sẽ không hy vọng gì sống để trở về Nha Trang gặp Cha Mẹ hay về Sài Gòn gặp được vợ mình nữa. Con đường từ đây đến Quy Nhơn còn quá xa, chắc cũng phải 35 cây số nữa. Tôi muốn Sinh, là người chứng kiến trực tiếp, kể lại cho vợ tôi nghe giờ phút cuối cùng của tôi sau khi tôi chết. Tôi bảo Sinh:

- “Anh Sinh, anh lấy cái bóp trong túi tôi, trong đó có sáu ngàn và giấy tờ, có hai tấm hình của vợ tôi. Anh đem về Sài Gòn và kể lại cho vợ tôi biết trong giờ cuối.”

Sinh xúc động thật sự, tay cầm cái bóp mà muốn khóc nghẹn lại:

- “Dạ tôi hứa.”

Hình ảnh lúc này y chang như trong phim, hay kịch trước giờ vĩnh biệt vậy. Tôi cố nhớ lại nhiều người thân của mình.

Đoàn người gồm tất cả tám người lần lượt khiêng tôi, lúc lên dốc, lúc xuống suối lội nước bì bõm. Cứ mỗi lần xuống dốc, thân thể tôi tụt theo với cái vông nghiêng xuống, lúc lên dốc cũng tụt ra sau. Sinh đã tìm ra đâu một cái mền rằn ri nylon đắp cho tôi khỏi nắng. Không biết ai đã cho lon sữa bò đặc còn rất ít, Sinh đưa cho tôi. Cái miệng của tôi há ra để nút sữa bắt đầu thấy khó khăn vì đau. Chỗ ba viên AK thoát ra đã phá thủng má trái một lỗ khá lớn.

Đến 5 giờ chiều thì chúng tôi vào đến vòng đai ngoài cùng của phi trường Phú Cát, một phi trường quân sự khá lớn của Mỹ để lại dùng cho việc tiếp tế cả vùng Bắc Bình Định. Chúng

tôi còn đang ở ngoài hàng rào kẽm gai, thì có 3 chiếc C130 lần lượt cất cánh rời khỏi phi đạo, trong hàng ngàn tiếng súng phòng không của địch bắn lên từ vòng ngoài phi trường. Cộng quân chưa vào được phi trường, chỉ đang pháo kích vào. Tôi cầu nguyện cho ba chiếc vận tải cơ không trúng đạn.

Vượt hàng rào kẽm gai phòng thủ phi trường là nổi cam go vì mìn đầy đây. Đã có dấu chân của những người lính Trung Đoàn đi trước. Toán lính pháo binh tám người bước từng bước một trên từng dấu chân đi trước để khỏi dẫm mìn.

Khi vồng tôi vào được hàng rào kẽm gai cuối cùng, một kho đạn trong phi trường trúng đạn pháo kích, nổ dữ dội. Phải nói rằng đưa cái vồng chui qua một lỗ nhỏ vừa bằng thân người của mấy chục hàng rào kẽm gai là một kỳ công ghê gớm, một người chui qua trước, nâng đầu vồng, lòn chậm chậm qua khe hở, cứ như thế cũng vào tới vùng đất bên trong hàng rào cuối cùng.

Vừa đến đây thì toán khiêng gặp được Trung Sĩ Khôi, khẩu trưởng vừa ra trường hơn một năm, người Sài Gòn, nhà ở đầu Cầu Trương Minh Giảng. Vừa gặp Khôi, đi lạc một mình, Trung Úy Sinh gọi lớn tiếng từ xa:

- “Khôi! Lại đây khiêng tiếp Đại Úy.”

Khôi rất vui như được chung vai cùng anh em, mà từ sáng đến giờ chưa có dịp. Trung sĩ Khôi kê vai vô cùng với ai trong đoạn đường này. Tôi nghe Trung Úy Sinh nói:

- “Có trực thăng rồi Đại úy ơi! Để tôi tới xin cho Đại Úy đi.”

Vài phút sau Sinh trở lại nói bằng giọng mừng rỡ

- “Nó cho đi rồi. Đại Úy à!”

Thế là cả đám khiêng tôi tới chỗ trực thăng HU1B đang nổ máy còn đậu dưới đất, bên cạnh cái má xây bằng đá tổ ong, và một cây to cao gần giống như cổ thụ. Trung Sĩ Khôi, người mới vừa kê vai vào khiêng tôi, và Trung Úy Sinh khiêng

tôi rời khỏi cái võng và bỏ lên nằm trên các anh em binh sĩ Bộ Binh khác đã ngồi trước trên trục thẳng. Chiếc trục thẳng HU1B theo lý thuyết chỉ chở 11 binh sĩ với đầy đủ súng ống đạn dược, nhưng giờ đã phải gồng đến 34 người.

Tôi không có chỗ ngồi, (mà cũng chẳng ngồi được) vì chật cứng rồi, nên tôi nằm dài trên vai trên cổ của những binh sĩ Bộ Binh. Họ chấp nhận như vậy, vì thấy trên người tôi có tới 9 vết thương.

Trung Úy Sinh và Trung Sĩ Khôi đặt tôi lên trục thẳng xong thì lui ra một khoảng cách an toàn cho trục thẳng cất cánh. Tôi đang nghĩ mình sẽ về Quân Y Viện Nguyễn Huệ ở Nha Trang để điều trị. Đây cũng là mộng ước thật lãng mạn của tôi khi còn là học sinh, muốn làm lính trận và được bị thương, được điều trị tại quân y viện để chiều chiều có người yêu tới thăm. Hồi đó sao mà ước mơ ngu quá.

Chiếc trục thẳng vừa cất cánh trong tích tắc thì tôi nghe một tiếng “Rắc” rất lớn. Nó khập khùng nâng lên rớt xuống mấy lần rồi rớt hẳn xuống đất. Tôi bị bất tỉnh, khi mở mắt ra chỉ thấy chiếc trục thẳng cách xa tôi đến 5, hay 6 mét. Trên trục thẳng trống không, máy không còn nổ, cánh quạt đã ngừng hẳn. Có hai cái xác bị mất từ ngực trở lên, không nhận diện được là xác của ai, nằm song song nhau cách nhau một mét.

Linh tính cho tôi biết một trong hai cái xác không đầu ấy dường như là xác của Trung Úy Sinh (?) vì cái dáng còn lại rất quen thuộc, người lùn lùn nhỏ con. Toán khiêng tôi đi từ lúc trưa gồm có 6 người, cùng với Loan cũng tôi và Trung Úy Sinh là 8, mãi về chiều gặp được Khôi, tổng cộng là 9. Bây giờ lính Bộ Binh không còn ai và phi hành đoàn cũng chạy đi đâu hết. Toán khiêng tôi gồm cả thầy 9 người, bây giờ chỉ thấy hai cái xác không đầu nằm song song nhau, và 3 người lính của tôi đứng xa xa không dám chạy lại.

Khi tôi đưa tay vẫy vẫy ra dấu như còn sống, ba người ấy chạy tới. Tôi nghi ngờ xác nằm ấy là Trung Úy Sinh nên hỏi 3

người lính vừa chạy tới:

- “Trung Úy Sinh đâu rồi?”

“Dạ em không biết.” Hạ Sĩ Nghiêm, người lính thân cận nhất của Sinh, trả lời như khóc.

- “Còn lính Bộ Binh đi đâu hết rồi?” Tôi hỏi tiếp.

- “Dạ, họ chạy hết rồi Đại Úy ơi!” Nghiêm trả lời.

Tôi hiểu chuyện gì đã xảy ra, trực thăng có lẽ vì nặng quá mà rớt xuống, hay vì cánh quạt chặt trúng cành cây. Cánh quạt quay nhanh đã chặt vào hai người đang đứng gần khiến một nửa thân người của hai xác ấy đã văng ra rất xa. Quân phục trên 2 thân người có mang huy hiệu Sư Đoàn 22 trên cánh tay áo, có bảng tên và huy hiệu Pháo Binh phía trước ngực.

Tôi muốn xác nhận một trong hai xác ấy có phải là Sinh hay không. Tôi nhớ lại sáng nay lúc bị B40 và đạn AK, trước khi tôi được chở bằng xe GMC rời khỏi cầu Cương, tôi có bảo Sinh lấy tiền trong túi quần bên đùi phải của tôi và bảo Sinh giữ tiền ấy để nuôi ăn binh sĩ. Tôi nói với Hạ Sĩ Nghiêm:

- “Em lại lục một trong hai xác kia coi có tiền hay không?”

Tôi không còn lòng dạ nào để tìm tiền bạc lúc này, mà chỉ muốn nhờ tiền để xác nhận có phải đúng là Sinh hay không, nếu quả thật có tiền thì đúng rồi. Nghiêm nói trong sợ sệt nghẹn không ra lời:

- “Em sợ lắm, Đại Úy ơi!”

- “Cứ lục đi đừng sợ!” Tôi thúc.

Tôi mệt quá nhắm mắt lại và không còn biết gì, đang nửa mê nửa tỉnh thì tiếng Nghiêm đến cạnh tôi nói rất rõ, và tôi nhớ như in câu nói này trong đầu từng âm phát ra trong nỗi nghẹn ngào xúc động:

- “Đại Úy ơi! Nếu Đại Úy chết rồi thì thôi. Nếu còn sống, em bảo Đại Úy biết là tiền đã tìm thấy rồi. Thăng Tấn đang giữ tiền ấy.”

- “À! Thì ra là Trung Úy Sinh.” Tôi mở mắt ra và nói nhỏ.

Sinh và Khôi sau khi khiêng bỏ tôi lên trực thăng không lui ra xa. Khi tốc độ cánh quạt giảm nên nó quay nghiêng một bên thấp một bên cao, mới xảy ra sự đau đớn này. Bình thường người ta đứng bao giờ cũng thấp hơn chiều cao của cách quạt trực thăng.

Tôi không hiểu tại sao tôi bị văng ra xa cách trực thăng 6 hay 7 mét và bị bất tỉnh mà không bị thương gì cả. Có lẽ lúc



tôi nằm trên vai trên cổ những người lính Bộ Binh; trực thăng rớt xuống, mấy người ấy văng ra, tôi bị văng theo. Cũng may là trực thăng không bị nổ hay cháy trong khi tôi nằm cạnh. Tất cả mọi người đều chạy hết, kể cả đám lính của tôi chỉ còn lại ba người, trong đó có Nghiêm, Tấn là tài xế xe GMC kéo súng, và Trung Sĩ Minh, khẩu trưởng, cũng vừa mới ra trường được hơn năm.

- “Giờ sao Đại Úy? Giờ sao Đại Úy?” Họ xúm lại hỏi tôi một câu trong xúc động thì ào.

Tôi hiểu bây giờ tôi là một gánh nặng của mấy đứa em này. Chúng bỏ tôi không đánh, mà cu rùa mang thì nặng nhọc cho chúng. Nhưng để tôi nằm lại đêm nay có lẽ cũng sẽ chết,

giữa khoảng trống vắng vẻ này đâu có ai biết mà cứu giúp, nên tôi nói với ba người còn lại:

- “Hãy cố khiêng tôi vô trong phi đạo rồi tính.”

Hai người kê vai vô chiếc cán vồng mà Sinh đã làm từ trưa, trong khi một người đi đầu dẫn đường. Trời đã tối dần sao mà âm đạm thê lương quá. Ngày cuối cùng đời lính của tôi chẳng? Tôi không bao giờ nghĩ ra là sẽ mất nước. Tôi chỉ nghĩ đang bị VC tấn công vùng đất này, mình tạm rời bỏ và sẽ tái chiếm lại như hồi Mùa Hè Đỏ Lửa năm 1972, như đã tái chiếm lại ba quận ở Bắc Bình Định.

Đang đi trong khuôn viên phi trường thì thấy một chiếc xe Jeep của Tiểu Đoàn 4 Phòng Không đang trấn giữ phi trường. Tấn reo lên:

- “Có xe rồi, Đại Úy! Có xe rồi! Để tụi em chở Đại Úy đi.”

Nó mừng là phải vì chỉ có ba người khiêng nên mệt quá. Chúng nó không nỡ bỏ tôi mà chạy trốn nhưng đeo theo cái cục nợ này thì thật là khổ. Tôi hiểu rõ tâm lý các đứa em lúc này nên nói:

- “Cố đưa tôi vào phi đạo rồi trốn đi được rồi.” Tôi hy vọng vào trong ấy còn máy bay bốc tôi hay ít nhất cũng không đơn lẻ một mình khi phải nằm đây.

May mắn thay! Chiếc xe Jeep không nổ máy, Tấn thất vọng trở lại chiếc và cũng hỏi câu cũ:

- “Giờ sao, Đại Úy?”

Mãi về sau này tôi mới hiểu ra rằng chúng tôi rất may mắn. Nếu chiếc xe chạy được thì đời chúng tôi cũng tiêu tùng vì ăn B40, khi phải lái xe ra Quốc Lộ. Khắp vùng rộng lớn ấy địch đã kiểm soát hết rồi. Tôi tin có điều gì đó khiến chiếc xe không nổ máy được.

Tôi giữ nguyên ý định cố vào cho được trong phi đạo rồi tính sau, nên khuyến khích:

- “Hãy cố đưa tôi vào phi đạo rồi các em về nhà.”

Tôi biết mấy người này có gia đình loanh quanh Phù Mỹ và Phù Cát.

Đoạn đường từ đây vào đến phi đạo rất chông gai, mặc dù chúng tôi cũng đang trong ở trong khu vực phi trường. Có rất nhiều hàng rào kềm gai chia ra nhiều khu vực khác nhau. Mỗi lần đưa được chiếc võng chui qua lỗ hàng rào là cả một kỳ công, cũng như rất tốn thời gian. Làm gì có kềm cắt kềm gai để chui qua. Chúng để tôi xuống đất, ba người thay phiên nhau tìm cách banh lỗ hàng rào cho vừa đủ chiếc võng. Một người chui qua trước, một người bên này hàng rào nâng đầu võng đút qua, người bên kia đỡ lấy.

Tôi xúc động biết chừng nào cho tấm lòng của lính không bỏ tôi vì công lao của họ mỗi lần đi qua một hàng rào kềm gai. Đâu phải chỉ có một, phải đến hàng chục lần như thế. Mãi về sau này tôi hiểu được đã có một sức mạnh vô hình thôi thúc mấy đứa em đã hết lòng với tôi. Tôi mang ơn họ suốt đời.

Cuối cùng, bốn anh em chúng tôi cũng tới được phi đạo, vừa tới nơi, một trong ba người lên tiếng trong tiếng thở hổn hển vì quá mệt:

- “Tới rồi Đại Úy, tới rồi Đại Úy.”

Tôi giữ đúng lời hứa, dù biết rằng mình không biết sẽ làm gì sau đó, tôi nói:

- “Tôi cảm ơn các em nhiều lắm đã cứu tôi. Thôi cứ để tôi đây, các em trốn, và tìm cách về nhà đi.”

Tôi thực sự bị xúc động với lần chia tay này. Xem như vĩnh biệt, những người lính cuối cùng đã cứu tôi.

Địch vẫn tiếp tục pháo kích vào bên trong, khiến một kho đạn lửa cháy rực sáng kèm theo những tiếng nổ của đạn đủ loại. Tôi đoán chừng cũng phải đã quá 10 giờ đêm rồi. Tôi mệt quá, nhắm mắt lại thiếp đi.

Dường như tôi bị mê thiếp, đến lúc tỉnh dậy không biết

bây giờ là mấy giờ nhưng vẫn biết hôm đó là đêm 31 tháng 3 năm 1975, ngày tôi bị thương hai lần và rớt trực thăng, chặt đứt đôi hai người khiêng tôi, đã có mấy người vì tôi mà phải vĩnh viễn ra đi.

Tiếng động những bước chân dồn dập tiến tới gần tôi, cùng với những âm thanh xì xào nghe không rõ. Tôi mở mắt ra thì nhận biết lính của Trung Đoàn 47 đang từ ngoài vào đến phi trường. Đã khuya lắm rồi, lòng tôi mừng hẳn lên vì giờ không cô đơn nữa. Tôi hy vọng sẽ bám theo toán lính Bộ Binh này.

Họ mệt mỏi, tụ từng đám ngồi xuống nền xi măng nghỉ mệt sau một ngày hành quân rồi tan hàng và suốt nửa đêm mới vào được tới phi đạo. Tôi nhìn thấy người lính có mang chiếc máy truyền tin PRC 25, tôi vẫy tay báo anh ấy:

- “Anh cho tôi mượn cái máy, rồi mở cho tôi tần số....”

Tôi gọi mấy lần về Bộ Chỉ Huy Pháo Binh Sư Đoàn, cấp cao nhất của tôi tại Sư đoàn 22 Bộ Binh, với hy vọng xin trực thăng tản thương. Tôi nhờ anh lính đổi tần số nhiều lần, nhưng không có tần số nào có ai trả lời. Mãi khi vào tù tôi mới vỡ lẽ họ đã đi tản Bộ Chỉ Huy Pháo Binh Sư Đoàn vô Nha Trang rồi.

Tôi mệt mỏi tuyệt vọng trả máy lại và cảm ơn, tôi chấp nhận số phận cho Định Mệnh an bài. Tôi kéo chiếc mền rằn ri dù vẫn còn mang theo, đắp lên quá đầu, giống như một người nằm chết. Có tiếng:

- “Mở Đường Máu! Mở Đường Máu!”

Trời ơi họ lại bỏ tôi trong tư thế mở đường máu. Mà mở đường máu thì coi như liều mạng để tranh giành sự sống trong cái chết. Tôi như thế này làm sao cùng mở đường máu??? Khi họ lục đục đứng lên kéo đi, tôi cũng chống cây đòn của chiếc cán võng đứng lên với ý chí quyết đi theo. Than ôi vừa đứng lên chưa trọn thì bị té xuống ngay. Một cảm giác tuyệt vọng và chấp nhận thương đau trở về, tôi nghĩ bụng: “Thôi đành cho số phận.”, nhưng tôi vẫn thấy “đau đớn” trong tâm ghê. Tôi

đang rớt lại trong vũng cô đơn tuyệt vọng, và cái chết đang từ từ đến với mình.

Xung quanh phi trường, kho xăng, kho đạn đang cháy và tiếp tục nổ, VC vẫn tiếp tục pháo kích vào. Một vài nơi có tiếng súng cá nhân chạm địch khi đoàn người mở đường máu. Tôi đã cố gắng đi theo những người lính Trung Đoàn 47 để thoát ra chỗ này. Tôi sợ sáng ngày mai thể nào quân ta từ trong Nha Trang cũng cho máy bay ra oanh tạc phi trường. Tôi cũng sẽ chết vì bom nếu chưa bị địch bắt.

Chiếc quần lính trận của tôi sáng nay lúc Loan cõng tôi, nó cứ tụt lên tụt xuống làm trở ngại trong lúc cõng, nên Loan đề nghị bỏ đi, tôi chỉ còn mặc mỗi chiếc áo và cái quần xà lỏn.

Tôi nảy ra ý tưởng phải ngụy trang và nói dối trong lúc tui nó bắt mình, tôi chợt nhìn thấy một cái áo màu đen, giống như của Xây Dựng Nông Thôn thường mặc. Không phải tôi hèn, không dám để cho địch quân biết tôi là một Đại Úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, mà tôi vừa nghĩ ra rằng, trong giờ phút đầu tiên khi gặp tôi, biết đâu đối với bọn chúng sự hận thù dâng lên ngút ngàn, nhất là tên tôi được chúng biết từ lâu trong những tháng ngày đóng quân tại quận Hoài Ân vì tôi phản pháo rất nhanh làm thiệt hại nặng cho chúng, chúng sẽ giết tôi. Chúng đã tuyên truyền trong dân chúng tại Hoài Ân về cái giá treo đầu tôi.

Tôi lết tới và đã cố gắng thay cho được chiếc áo, thôi thì cứ ngụy trang trước đã. Cái đòn khiêng với chiếc võng và cái mền Dù vẫn bên tôi, tôi lết đến nằm trên võng, đắp mền lại. Máu đã ra quá nhiều, tôi khát nước tưởng không còn cơn khát nào bằng và đói bụng nữa, tôi thiếp đi tự bao giờ.

Sáng hôm sau, tôi choàng tỉnh thức dậy vì tiếng quát tháo đầy sát máu của bọn VC đã vào được bên trong phi trường. Tôi đoán chắc đã bốn hay năm giờ sáng, kho đạn vẫn nổ. Một vùng khác lửa cháy bốc lên cao có lẽ kho xăng bị trúng đạn. Một cây AK chĩa thẳng vào tôi quát lớn tiếng:

- “Ai đây? “

Tôi nghe giọng hỏi đã biết ngay là bọn CS từ Bắc vào với cái giọng the thé trẻ con.

Tôi từ từ mở chiếc mền ra khỏi mặt và nói chậm chậm:

- “Tôi đây! Tôi bị thương.”

- “Sao không đầu hàng mà để bị thương?” Nó lại quát đẽ khùng bố tinh thần.

- “Tôi là tài xế xe Daihasu, chở khách. Hôm qua hai bên đánh nhau, tôi bị thương và được các anh lính khiêng tôi vào bờ ở đây.”

Tôi cứ nói bừa ra vậy, tin hay không là chuyện của chúng, để tránh nhận một viên đạn trong lúc này. Hắn có vẻ không tin, nhưng cũng không bắn gắt nữa, và nói giọng Bắc Kỳ rất mới vô:

- “Ừ, bị thương thì nằm đó, chờ bộ phận khác tới lo.”

Tôi liều mạng nói khi tôi chợt nhớ hình ảnh một người lính Nga bị thương nằm bên cạnh người lính Đức cũng bị thương trong trận Đệ Nhị Thế Chiến trong một phim chiến tranh, tôi xem từ hồi nhỏ. Người lính Nga đã cho người lính Đức uống nước khi lính Đức họ xin. Tôi nói với tên VC:

- “Anh cho tôi xin chút nước, tôi khát quá.”

- “Tôi hết nước rồi.” Tên VC còn non choẹt trả lời nhanh.

Và hắn bỏ đi nhanh, như để lục soát tiếp trong khu vực. Qua ánh lửa hừng hực cháy xa xa tôi thấy mọi người bị bắt đẽ hai tay ra sau ót đi từng nhóm với tiếng quát lớn: “Đi hướng này!” hay tiếng hét: “Nhanh lên!” Tôi hiểu là lính của mình đã bị bắt và dẫn đi tập trung ở chỗ nào đó. Tôi đắp mền lại, coi như không có chuyện gì...

Cũng một chiếc lưới lê gắn trên đầu nòng súng chĩa vào người tôi và tiếng quát giống như lúc nãy: “Ai đây?” Tôi diễn lại màn cũ, nói y những lời cũ. Tôi không biết hắn có tin hay

không, nhưng không thấy nói gì. Tôi cũng xin chút nước vì khát nước không thể chịu nổi. Hắn cũng nói y như tên trước và bỏ đi.

Người thứ ba đến chỗ tôi và hỏi có vẻ nhẹ nhàng hơn một chút: “Ai đây?” Tôi mở mền ra khỏi mặt và đáp: “Tôi bị thương.” Hắn hỏi tiếp: “Sao bị thương?” Ba câu hỏi của ba người sao giống nhau quá, và tôi cũng giữ vững lập trường để bảo vệ sự sống trong lúc này nên cũng đáp như cũ. Tôi cũng nhận được các câu trả lời như cũ.

Tôi muốn rời chỗ này ngay, vì sợ lúc trời sáng thế nào cũng có phi cơ từ Nha Trang ra oanh tạc phi trường đã bị chiếm. Vừa nhìn thấy đám lính của mình bị bắt đi qua, tôi nói với tên thứ ba này tướng tá giống cấp chỉ huy hơn hai tên trước vì thấy không cầm AK mà chỉ có khẩu K54:

- “Anh nói với mấy người kia đến khiêng tôi đi đi.”

- “Mấy anh kia, lại đây.” Hắn như thấy có lý, và gọi lớn.

- “Anh cho tôi xin chút nước.” Trong lúc đợi những người lính bị bắt tới, tôi nói với tên VC.

- “Anh bị thương uống nước chết đây.” Hắn nói.

“Tôi biết, cứ cho tôi hợp một chút thôi.” Tôi nói.

Tôi giữ đúng lời vì cũng biết uống nhiều sẽ loãng máu, tiếp tục ra máu, nên tôi hợp chỉ một hợp nước rồi trả lại cái bị đông cho hắn. Khi mấy người lính Trung Đoàn 47 bị bắt đến, hắn nói lớn:

- “Các anh khiêng anh này đi ra chỗ tập trung.”

Trời đã mờ mờ sáng, ngày đầu tiên của tháng 4 khí hậu lành lạnh, cõi lòng tan nát, tuyệt vọng, tôi chính thức trở thành tù binh VC từ lúc này. Tôi nhớ lại chuyện bắt tù binh trên mặt trận Tân Cảnh năm 1972, Mùa Hè Đỏ Lửa mà tôi tham dự trận đánh. Tôi nhớ lại cảnh trao trả tù binh năm 1973 trong lúc người ta khiêng tôi ra đặt trên nền xi măng của phi đạo cùng với tất cả những người bị bắt.

Không nhìn thấy mọi người, nhưng tôi biết chắc những người xung quanh bây giờ là lính Trung Đoàn 47 Bộ Binh, thế nào cũng có Pháo Binh của tôi trong ấy. Tôi cứ nhắm mắt lại mặc cho thế sự đẩy đưa. Có tiếng nói lớn phán rằng:

- “Ai “nà” người biết “nái” xe bước ra một bên.”

Trong phút im lặng, tôi nghe tiếng lục đục từng tiếng động đứng lên và bước đi. Kế tiếp vẫn tên nói giọng ấy:

- “Ai “nà” Sĩ Quan bước qua bên “lày”.

Tôi nghe tiếng thì thào rất nhỏ chỉ trong đám ngòì gần nghe được:

- “Có ông Đại Úy Pháo Binh, có ông Đại Úy Pháo Binh”.

Tôi hiểu ai cũng biết mặt tôi trong Trung Đoàn 47 này, dù tôi có nguy trang mặc áo đen của Xây Dựng Nông Thôn. Họ lo lắng cho số phận sắp tới của tôi đang bị thương, chứ không phải là muốn tố cáo tôi.

Tôi quyết định rất nhanh, “Minh cứ giả như không nghe không thấy, không biết gì hết về lời kêu gọi. Nếu về sau chúng nó phát giác thì cứ bảo tôi bị thương làm sao nghe được. Tôi hiểu chúng đang phân loại và đưa riêng các cấp vào rừng sâu để nhốt. Nếu tôi đi theo chúng thì chỉ chết ngay ngày hôm sau.

Tôi cứ nằm nguyên không nhúc nhích, có tiếng động từng người bước ra khỏi hàng. Sau cùng là tiếng nói lớn:

- “Ai “nà” binh sĩ bước qua chỗ “lày”.”

Vậy là còn một mình tôi duy nhất nằm trên võng có cái đòn cây, trên đầu trên bụng, trên tay, trên đùi và ống quyển chi chít nhiều miếng băng đầy máu cái đã khô, cái còn ướt trông rất ghê tởm. Có lẽ chúng nó biết đem tôi đi là một của nợ, nên lờ đi bỏ mặc tôi nằm đó.

(tiếp theo)



Gỗ Thức Trên Rừng*

Tâm Thanh

1.

Đêm mưa rừng. Hấn bò lê tại căn chòi, dùng tàn lực húc càn vào cửa. Sóng chết phó mặc trời đất. Không ngờ 'cửa' chỉ là cái phen chắn gió, bị đẩy quá đà bung ra ngay; toàn thân hấn lăn kèn như xác con mồi bị thợ săn quật xuống đất. Ngọn đèn duy nhất trong nhà phụt tắt. Hấn cũng lịm đi.

Khi tỉnh dậy hấn thấy chân trái đau buốt, và toàn thân mất hết sức lực. Hấn không biết rõ mình đang ở đâu, và không nhớ từ đâu tới. Tiếng mõ thúc giục và lời kinh trầm trầm "*Nam mô A di đà Phật*" làm cho hấn đoán mình đã lọt vào... cửa Phật. Hấn yên tâm buông mình trở lại vào giấc ngủ, thiếp đi thì đúng hơn.

Khi tỉnh dậy lần nữa, không biết bao lâu sau, cảm thấy chân trái vẫn đau đớn vô cùng, hấn ngó xuống thấy chân được bó bằng bẹ chuối. Hấn nhớ mang máng có sự: hấn đã giết vợ, rồi chạy trốn, lạc trong rừng nhiều ngày, và bị té gãy chân, may sao lê được tới đây. Có lẽ đây là một cái am. Nhà sư chủ am, hấn chưa thấy mặt.

Hôm đó và nhiều ngày sau, nhà sư có vẻ như cố ý ẩn mặt. Lúc ông băng bó cho hấn, hấn chỉ nhìn thấy cái lưng vạm vỡ, to như cánh phan của ông. Mỗi ngày hai tô cháo hoặc com với mấy cọng rau dền và hai miếng cháo, luôn luôn được đưa tới

lúc hẩn ngủ. Những lúc không ra ngoài làm việc, có lẽ đốn củi, làm vườn, ông vào 'chánh điện', ngồi quay mặt vào vách tung kinh, hoặc ngồi... thừ ra bất động, chẳng biết nghĩ gì. Ông không có vẽ một người thầy thuốc, chỉ lấy lá bẹ bọ bừa cho hẩn; thổi lên, lại thay lá khác. Vết thương đau đớn âm ê lên, chứ không thuyên giảm, và toàn thân nóng ran. Nhưng trong lòng hẩn có một cơn sốt ghê gớm hơn - hận thù. Con dâm phụ, hẩn đã giết rồi, hẩn cần phải sống để giết thẳng gian phu, rồi đi nạp mình tự thú cũng cam.

Không biết bao nhiêu ngày sau, khi cơn đau nhức đã giảm dần, hẩn bắt đầu chú ý tới lời kinh và tiếng mõ lốc cốc. Tiếng rặng có nghe mấy hẩn cũng không hiểu chữ nào. Giọng nhà sư đều đều buồn ngủ, thỉnh thoảng ê a như trẻ con không thuộc mặt chữ. Tiếng mõ vang trong rừng cây thâm u. Lâu ngày hẩn thuộc một câu nghe ngô ngô:

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế."

Nhiều ngày tháng nằm một chỗ với một vết thương ở chân, với một nỗi hận trong lòng, một câu kinh vô nghĩa bên tai, một điệu nhạc mõ và tiếng giun dế, chim muông trong rừng... hẩn tưởng có lúc mình sắp mục rữa với cỏ cây.

Và lần đầu tiên hẩn cảm thấy sự trống không hoàn toàn. Không buồn, không vui. Thử hoài tưởng đến những đêm lạc thú, hẩn chỉ còn thấy đêm đen. Tấm lưng trần con đàn bà mà lưỡi dao hẩn bỏ xuống cũng không có máu. Cái nhún nhảy đó, không phải sự cử động của sự sống. Và giòng khoái cảm đó, mà có lúc hẩn đã chia sẻ, nó đi đâu, khi con dao chém đứt? Nó chảy thành một giòng đau đớn, thành sự chết? Hay thiên đàng? Bây giờ con đàn bà đó ở cõi nào? Nguyên nhân nào đã làm cho cuộc đời hẩn mục rữa như thế này?

"Cú... cú... cú..."

Tiếng cú vang rờn rợn bên ngoài, như tiếng oan hồn của vợ hẩn.

"Oan ức gì?"

Hắn chép miệng, nghe lưỡi đắng ngắt. Hắn thấy com nước đã để sẵn, nhiều hơn bình thường. Trời chạng vạng tối mà nhà sư đi đâu chưa về. Hắn ăn uống xong, ngủ.

Trong mơ hắn thấy mình mặc áo cà-sa, đi giữa con đường làng, làm như tụng kinh. Lũ trẻ theo sau chế diễu:

”Ông trọc ông trọc, cho mượn cái đầu, tui gõ cái cóc.”

Đứa khác nói:

”Ông không phải ông sư. Ông giết người.”

Hắn run sợ vì lời tố cáo, nên phải chứng tỏ mình là sư thiệt bằng cách đọc to:

”Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế.”

Đám trẻ hô to hơn:

”Thằng giết người!”

”Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế.”

”Thằng giết người!”

”Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế.”

”Thằng giết người!”

Hắn mệt quá, hét to:

”Không!”

Rồi co giò chạy.

Hắn càng chạy, đám trẻ càng đuổi gắt. Bỗng trong tiếng la ó của trẻ con, có tiếng vợ hắn:

”Nó giết tao đấy, tụi bay đuổi giết nó đi!”

Hắn choàng tỉnh dậy. Nhà sư đi đâu vẫn chưa về. Hèn gì ông ta để sẵn nhiều com hơn. Hắn bị nỗi sợ hãi xâm chiếm tâm thần. Thật là ghê gớm, hắn đã thành một kẻ giết người, điều mà từ bé tới lớn không bao giờ hắn ngờ được có ngày xảy ra...

Giết người! Hắn không định giết người. Chỉ là cơn cuồng nộ chụp lên người hắn, và chính cơn cuồng nộ chụp lấy con

dao. Con cuồng nộ bỏ dao xuống. Hấn hoàn toàn bị sai khiến. Hấn bị sai khiến... Như con đàn bà kia bị sai khiến... Bởi một ma lực hôn ám nào đó.

Mặc dầu mới vắng một ngày, hấn thấy nhớ tiếng mõ, và tiếng tụng kinh của nhà sư. Cũng may, gần sáng nhà sư mới về. Hấn hỏi liền:

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế nghĩa là gì vậy, ông sư?"

"Mô Phật! Hạnh duyên! Thật là hạnh duyên! Thí chủ đã thuộc kinh Kim Cang. Câu đó là căn bản trong kinh, ý nói là *Vượt đi, vượt đi, vượt sang bên kia, đậu tại bên kia.*"

Thấm thoát mười hai tuần trăng đã qua. Chắc là nhờ thời gian hơn là nhờ thuốc lá của nhà sư, hấn đi lại được bình thường.

Giữa một đêm mưa dội buồn thảm xuống khắp núi rừng, hấn quyết định ra đi. Hấn cho đây là lúc thuận tiện nhất, bởi vì xuống núi vào lúc này, hấn có thời giờ tới bờ sông lúc trời chưa tỏ mặt đê bắt chuyến đò đầu tiên, để lẩn tránh sự dòm ngó của thiên hạ. Lúc cáo biệt, hấn nói:

"Trước khi ra đi, tôi xin được nhìn mặt ân nhân."

"Mặt ân nhân và mặt kẻ thù có khác gì nhau?"

"Sao lại không khác? Như thiên thần với ngạ quỷ."

"Nam mô A di đà Phật! Ngạ quỷ cũng do thiên thần mà ra."

Trong một năm trời hấn nghe kinh không hiểu gì, nhưng đã nhập tâm một thứ mằm mống - sự tò mò:

"Thế thì xin nhà sư cho tôi nghe một câu về Đạo của Phật đi."

"Trong 49 năm trên trần thế, Phật chưa hề thuyết giáo. Tôi đâu dám biếm Phật."

"Nếu không nói thì xin ông trở cho tôi cái Đạo đó."

Nhà sư ”Vâng!” rồi đứng dậy, quay mặt ra, bước bảy bước tới trước mặt hắn, quì sụp xuống lạy:

”A di đà Phật! Bản tểng chính là kẻ tội lỗi đã làm nhục phu nhân. Thí chủ nhận ra không?”

Hắn sững sờ kinh ngạc, không tìm được liên hệ nào giữa nhà sư với tên trộm tình. Miệng ú ớ:

”Không... Sao lại như vậy được?”

Nhà sư bèn nằm ngửa trên nền đất, hai chân gấp gong vó, một chân làm bộ đá vào tay hắn. Đúng lúc đó, lại một tia chớp lòe sáng, rọi vào khuôn mặt khiếp sợ của nhà sư. Có vẻ nhà sư chỉ định diễn lại một tấn kịch có sự khiếp sợ, nhưng hắn thì lại khiếp sợ thực sự; khiếp sợ một thực tại mà hắn đang đi tìm bất ngờ phơi bày trước mặt hắn trong cái dáng co chân như gong vó của tên đàn ông hôm nào trên giường ngủ của hắn - cái hình tượng của một tên trộm tình, cũng là hình tượng một tên đàn ông bị phản bội.

Cái hình tượng đó lại nằm lăn quay ra đất trong bộ áo cà-sa, thì thật là khó có thể tưởng tượng được. Nhưng quả là nó đang nằm đó. Cả nhà sư, tên trộm tình và chính hắn đang nằm đó trong một hình hài duy nhất, trớ trêu đến buồn cười. Tấn hài kịch của ba kiếp nhân sinh đặng đặng thu gọn vào một điệu bộ ngớ ngẩn cụt ngủn, xụi lơ, khiến hắn không nhin được cười, nhưng chỉ có thể nhếch mép một chút, rồi lại méo miệng thờ dài:

”Nhận ra rồi...”

”Mô Phật! Nhận ra chân tướng mình là bước đầu của Đạo,” nhà sư hoan hỉ nói.

”Chân tướng ông... Chớ đâu có phải chân tướng tôi?” hắn cãi.

Nhà sư không đáp lại câu hoạnh của hắn, mà chống tay quì gối:

”Xin thí chủ mở lòng từ bi hỉ xả tha thứ tội nghiệt cho tôi.”

Hắn cực kỳ hoang mang, nhưng lại nói bằng một giọng như ra lệnh, cái lệnh phát ra từ một chỗ khác:

”Ông đứng lên đi!”

Sau đó là lời của chính hắn:

”Sao ông không giết tôi để trừ hậu họa?”

Nhà sư đứng dậy, phủi áo cà-sa, thờ dài:

”Mô Phật! Bàn tăng chỉ là một lãng tử một lần quá bước mê lầm, chứ chưa đến nỗi có tâm sát nhân.”

Đoạn ông kể lại cuộc đời đời truy trước khi vào cửa Phật. Lần cuối cùng ông bị bắt quả tang, suýt bị chém, nhanh chân chạy thoát, nhưng ông vẫn sợ bị tâm thù, tính dùng đường tắt trốn sang Đồi, chạy loanh quanh thế nào mà lại lạc lên cái am này.

Hắn lắng nghe và nhận ra ông kể sót nhiều chi tiết, khiến câu chuyện đứt quãng; hắn không tự giải thích được những câu hỏi như hai người tăng tị từ bao giờ, trường hợp nào, và nhà sư thiết dựng ra cái am này bây giờ ở đâu.

3.

Giọng chân thành của người đàn ông đứng trước mặt khiến hắn không còn nghị lực để giận dữ. Hắn hỏi tiếp, như câu chuyện này không có liên quan gì tới mình:

”Ông lên đây là để trốn tội, sao lại trốn đời luôn?”

”Mô Phật! Tội không trốn được. Đời không trốn được. Cả đời chẳng bao giờ tôi thích làm thầy chùa.”

Nhà sư phủi áo ngồi xuống đất. Hắn ngồi theo. Ông nói tiếp:

”Cái áo lụng thụng này không hợp với bảm tính trăng hoa trước đây của tôi. Nhưng chính thí chủ đã cho tôi cái cơ duyên lớn nhất: cái đêm thí chủ đột ngột ngã trên nền nhà, tôi bị thôi thúc phải cứu thí chủ trước đã. Mô Phật! Đó là cái mầm mống nhỏ bé còn lại trong tôi. Rồi như là thiện duyên đưa đẩy, vết

thương thí chủ lâu lành, mà thuốc men bần tăng không biết một chữ, khiến cho thí chủ phải lưu lại đây thời gian một năm trời. Và trong một năm trời, tôi miễn cưỡng đóng vai nhà sư, cũng tụng kinh, cũng chữa thương. Ai dè cái vai mình đóng tạm lại có thể vận vào mình riết đến thế.”

”Cái đó người ta kêu bằng nhập vai, phải không?”

Nhà sư trả lời:

”Vâng, gọi là nhập vai cũng được mà trở về cũng được, trở về vai nguyên thủy của mình, bằng cách đóng nó.”

”Ai mà biết vai nguyên thủy của mình là gì mà đóng.”

”Rồi thí chủ sẽ tìm ra. Chỉ biết rằng không phải cái vai chúng ta đóng hằng ngày là nơi chúng ta trở về đâu. Vai thâm tặc, bần tăng đã đóng xong rồi. Coi như tuồng vẫn rồi.

Nhà sư với tay lấy bình trà rót đầy hai tách. Tách thứ ba để trống. Hai người uống trà trong yên lặng.

Bỗng hấn đứng dậy:

”Thôi, tôi xuống núi.”

Nhà sư cũng đứng lên nói:

”Đề tôi tiễn chân ông... lên.”

Hai chữ lên-xuống tự nhiên làm cho đầu óc hấn nhốn nháo. Hấn phải xoay người hai ba vòng mới ra khỏi cái không gian bé nhỏ của mái am. Nhà sư đi theo.

Mưa tạnh, trăng ló ra, dội ánh sáng xanh xuống rừng. Qua khỏi vườn rau, hấn nhường cho nhà sư đi trước dẫn đường. Hai người vừa đi vừa nói về Đạo bằng hai ngôn từ khác nhau.

Tới một con suối, họ ngồi nghỉ; hấn nghĩ tới con vợ đại dột, không biết lúc chết có kịp sám hối, hay đang trầm luân trong địa ngục, bị xẻo thịt chỗ... nọ, chỗ... kia, bèn hỏi:

”Kẻ sát nhân tụng kinh rồi sạch tội lỗi như giặt áo trong nước sao?”

”Tôi hay nghiệp không bao giờ rửa được. Giặt giũ, bụi đất thoát ra khỏi tơ sợi thì lại nhiễm vào nước. Không có gì thì không gì bám vào được.”

”Thế thì kinh sách để làm chi?”

”Dùi gõ vào gỗ, nhưng cái trống rỗng phát ra âm thanh. Tụng kinh là cái có. Tâm hư là giác ngộ.”

”Hàng triệu người trên mặt đất đang tụng kinh mỗi ngày, bao ngàn năm nay, chẳng ích lợi gì. Loài người vẫn khổ đau, vẫn hơn hờ tàn sát nhau và hãnh diện tàn sát sinh vật. Ông còn tụng kinh làm gì?”

Chân trời đã ửng hồng. Một con sơn ca lên tiếng, rồi cả bầy sơn ca lên tiếng đôn dập.

Nhà sư đưa ngón tay trở lên môi, yêu cầu người đối thoại im lặng, mặc dù hắn đã ngừng lời từ lâu.

”Thí chủ có nghe gì không?”

Hắn nghe tiếng ‘cốc cốc’ văng vẳng trên hàng cây cao, không định vị được cây nào, trả lời:

”Chim gõ kiến.”

”Đích thị. Con chim đó gõ như vậy hàng triệu năm rồi. Còn nhân sinh còn mê lạc, còn phải gõ mõ để đánh thức.”

Nhà sư im lặng để lắng nghe, bỗng hỏi nhẹ như tiếng gió luồn qua khe lá:

”Thí chủ có nghe gì khác nữa không? Có nghe cả cánh rừng này đang vang vang tiếng mõ?”

Hắn vênh tai lắng nghe. Lâu lắm. Không biết do dư âm tiếng mõ hắn nghe một năm trời trên am còn vọng trong tai, hay tiếng con chim gõ kiến, mà hắn nghe tiếng mõ khắp động khắp rừng. Hắn nói:

”Tôi nghe cốc cốc khắp rừng.”

Nhà sư mỉm cười hài lòng:

”Đó là tiếng gõ. Gõ đánh thức gõ. Gõ thức rồi. Thôi, ta đi đi!”

Hai người trỗi dậy, men theo con suối nở dần ra. Tới một nơi đã thành sông con, nhà sư dừng bước nói:

”Ta tạm biệt nơi đây. Còn hạnh duyên thì còn gặp. Thí chủ leo qua ngọn đồi kia là tới bến đò.”

4.

Hắn lên đỉnh đồi, thấy bên kia đầy sương mù. Tiếng sóng lao xao trên giòng sông du hắn vào thế giới cũ.

Sóng xưa dồn về bến cũ, nơi của con nước lên, con nước xuống, đi và về, đón và đưa, hò hẹn và đợi chờ, hợp và tan, sớm và trễ, tảo tần và hưởng thụ...

Tiếng mõ im bật. Gõ lại ngủ.

Hắn chăm chú nhìn người đàn bà chèo đò. Dáng uốn éo nhịp nhàng theo nhịp chèo khơi dậy một thèm khát đột ngột trong người đàn ông lâu ngày ở một mình. Con thèm khát xác thịt phồng lên như cánh buồm trước gió lộng. Bến đò vắng với người nữ cô độc khiến hắn nảy tà ý. Hắn thoáng nghĩ tới tấn kịch mà thằng trộm tình làm với vợ hắn hôm nào. Hắn cũng có thể làm như thế. Hắn đứng ở mé sân khấu chờ nhảy vào sắm vai kẻ dâm tặc.

Nhưng khi con thuyền tiến lại gần thì hắn nhận ra người chèo đò chính là vợ hắn. Điều bộ chèo đò của y thị lúc này phơi bày, không phải trong ký ức mà rành rành trước mắt hắn, cả thân thể trần truồng nhún nhảy mê loạn của mẹ trên giường ngủ với tình nhân. Hắn còn nhớ như in buổi chạng vạng hôm đó nắng quái loang lổ vườn cau.

Hắn lờ tầu lên tỉnh, quay về nhà bất ngờ, nghe tiếng rúc rích khả nghi trong phòng ngủ. Không cần lắng nghe lâu, hắn nhận ra tiếng vợ hắn với một người đàn ông lạ. Vậy là những lời đồn đãi của thiên hạ không phải là bịa đặt. Hắn muốn coi mặt thằng đàn ông là ai, mà phòng lờ mờ, nắng quái rọi qua

các khe gỗ chỉ đủ thấy dạng người. Từ sáng đột ngột vào tối, hấn đang hoa mắt, càng hoa thêm khi nhìn những cử động man rợ của thằng đàn ông và tai nghe những tiếng rên rỉ dâm đãng của con đàn bà. Khi mắt vừa quen với bóng mờ, hấn liền thấy con đàn bà vùng dậy ngồi trên và nhún nhảy, kịch liệt, hối hả như con thuyền cập bến -phải cập bến- vì bến ở dưới cuối con thác sâu.

Con giận lên cực điểm, hấn chụp con dao rựa, đập tung cửa phòng và đưa dao phập xuống. Con đàn bà rú lên gục xuống trong khi thằng đàn ông, sẵn đang nằm ngửa, chân gấp gọng vó, vung ra đá văng dao của hấn đi và chạy thoát...

Ký ức nóng hồi tuôn về ùa trên mặt sông mù sương. Khi nhìn thấy kẻ phụ tình còn sống phây phây, và nhất là mình chưa phải là kẻ giết người, vẫn là kẻ vô tội, hơn nữa, kẻ thiêt thòi, oan ức. Hấn trở lại con người cũ trước khi ngã vào cửa am. Hấn gằm gừ trong họng:

”Con dâm phụ! Không ngờ mày còn sống. Hãy chờ tao trở lại thanh toán thằng gian phu, xong sẽ tính tội mày.”

Hấn quay lên núi, cười gằn:

”Hừ, lên hay xuống đây, mày?”

Mây mù kéo tới đột ngột và mưa đổ sập xuống. Sấm sét nổ ầm ầm trên trời.

Hấn cắm cổ bước nhanh lên dốc núi, đi loanh quanh, đến tối mới tỉnh cờ tìm lại được cái am.

Hấn đi ra sân củi tìm cây búa rìu, xăm xăm đi lại cửa nhà. Đến trước tấm phên che, nơi hấn ngã xuống năm ngoái, bỗng hấn khựng lại. Dòm vào khe vách, thấy nhà sư đang quay mặt vào tường tụng kinh. Tiếng mõ đều đều. Trong tiếng gầm thét của mưa lũ, tiếng mõ rơi xuống như những giọt khô ráo, tròn trịa, thánh thót. Nhẹ nhàng mà đầy uy dũng. Tiếng mõ đó có sức mạnh huyền bí làm hấn phải chùn tay.

Nhưng tiếng mõ chỉ đủ sức mạnh làm chùn tay búa bở

thẳng vào thịt xương người. Hấn tiến lại một cây to, ước lượng hướng ngã của cây lên mái am, và bắt đầu bỏ lưỡi rìu xuống.

Hấn chỉ nhắm chừng mà bỏ trong tia chớp. Lúc đầu hấn chặt bừa bãi, sau hấn chặt theo nhịp mõ từ trong am xuyên màn nước mưa vọng ra.

”Nam mô A di đà Phật!”

Hấn nhái theo nhịp sáu ”cốc cốc cốc cốc cốc cốc” rồi kết ”phật” một búa xuống thân cây.

Cứ thế. Lúc đầu hấn bỏ hăm hờ cuồng điên, sau bắt đầu moi tay. Một vài nhát búa kẹt trong gỗ, khi hấn rút ra, gỗ rít lên. Hấn tiếc đã chọn cây quá to này. Khi miệng gỗ mở được một chút thì hấn gần như kiệt sức, mỗi nhát búa hấn chỉ hô gọn:

”Phật!”

Sét ngưng, chỉ còn bóng đêm dày và ướt. Hấn phải đưa tay sờ xem miệng gỗ đã há đủ chưa để chặt phía đối diện cho cây ngã vào am.

Hô ”Phật” đã chán mồm, hấn chỉ im lặng mà bỏ. Và lạ lùng thay, chính gỗ bật ra tiếng ”Phật” khi bị chặt.

Đúng lúc đó một tia sét đánh xuống: tâm hấn bừng sáng. Hấn đổi ý, không muốn giết tên dâm tặc nữa. Hấn vội vàng bỏ lệch đi để cây ngã sang hướng khác, cho khỏi sập xuống mái am. Nhưng trễ rồi, cái cây đồ sộ lưng lững đổ xuống, đè ngay trên người hấn. Hấn vội vàng tránh ra để thoát thân. Nhưng cũng không kịp...

Hấn tỉnh dậy, không đau đớn như lần trước, đang nằm trên tấm nóp cói, biết rằng mình vừa được cứu một lần nữa. Nhưng cái am sập nát. Nhà sư, hấn là người vừa cứu hấn, đang ngồi trên một tảng đá, quay mặt vào rừng. Trời xanh trong vắt. Không nghe tiếng tụng kinh và tiếng mõ lóc cóc. Chỉ nghe tiếng chim hót líu lo và tiếng rừng xào xạc. Hấn bàng hoàng đứng dậy. Dặm bỏ đi.

”Thí chủ định đi đâu?”

Tiếng nhà sư trầm mà rõ. Hấn dừng chân nhưng không quay lại. Lòng rối bời, mâu thuẫn. Hấn vừa oán tên dâm tặc phá nát gia cang hấn, vừa biết ơn nhà sư hai lần cứu. Hấn không biết nên đối xử thế nào với hai con người trong cùng một hình hài đó. Đầu óc hấn xoay mòng mòng như cái cối ly tâm. Cuối cùng hấn bước qua một cành cây đổ, đi ra, bỗng đã thấy nhà sư đứng sững trước mặt hấn, như có phép biến. Hấn quay mặt nhìn về phía tảng đá, lại vẫn thấy một nhà sư ngồi quay lưng lại. Rõ ràng là có hai nhà sư, một ngồi, một đứng. Hấn trả lời:

”Tôi về nhà.”

”Nhà nào?” nhà sư đứng hỏi.

Hấn bỗng khựng lại - quả thực hấn không thể về cái nhà cũ nơi người vợ ngoại tình đang ở. Và nếu thế thì không đâu là nhà hấn nữa

5.

Trong một năm trời chữa thương và nghe kinh trên núi, hấn đã phần nào hiểu được lẽ đời. Thoát chết lần thứ hai, hấn đã mơ hồ thấy lẽ Đạo. Nhưng nổi hận tan cửa nát nhà, và cái ý chí muốn phân biệt phải trái, vẫn còn cao. Như đa số người đời -những người đời quảng đại khoan dung- trước khi tha thứ phải làm cho ra lẽ, phải biết ai phải ai trái, chính nghĩa về tay ai, hấn muốn ít nhất một lần tính tội rồi mới tha tội. Hai nhà sư, phải có một thiện, một ác. Đây là dịp tốt để phân biệt trắng đen:

”Các ông hãy nói đi: Ai làm chuyện tôi bại với vợ tôi?”

Cả hai nhà sư đáp cùng một lúc:

”Chính là bản tăng!”

Hấn ngạc nhiên đến ngẩn ngơ. Bỗng ký ức bật lên một tia sáng: Cái buổi chiều bắt gian, quả thật hấn không kịp nhìn mặt tên gian phu. Hấn chỉ nhớ hình dạng tên đàn ông nằm ngửa,

chân gấp gọng vó, vung ra đá văng con dao của hắn, rồi chuồn đi. Và khi nhà sư diển lại trò nằm ngửa đá dao thì hắn đương nhiên coi ông ta là thủ phạm. Bây giờ thì mọi sự trở thành u u minh minh. Hắn chỉ thấy hình tướng người nằm ngửa, có thấy chân ngã của người đó đâu.

”Thế người hai lần cứu tôi là ai?” hắn lại hỏi.

Cả hai nhà sư cùng đáp:

”Chính là bản tăng!”

Hắn lui một bước và xoay người để nhìn được một lúc cả hai đối phương, rồi buông giọng nửa chán nản nửa van nài:

”Các ông ơi! Tôi muốn ân oán phân minh, xin các ông làm ơn đừng hờ dờ.”

”Phân minh cũng thế. Mô Phật!” nhà sư ngồi nói.

”Hờ dờ cũng vậy. Mô Phật!” nhà sư đứng nói.

Hắn bỗng thấy mình bất lực. Buông thông hai tay, xuôi vai, ngồi bệt xuống... trong thế bán già.

Lòng bỗng thành hư không, không lẽ phải, không lẽ trái; không hơn, không thiệt; không nhà sư tả, không nhà sư hữu, không nhà sư nào cả; không kẻ dâm tặc, không kẻ phản bội, không kẻ bị bội phản. Thân hắn cũng không.

Lại nghe nhà sư ngồi nói:

”Trời sáng rồi, chúng ta ra xẻ cái cây vừa ngã, cất lại am.”

Một tuần lễ sau. Am cất lại xong. Lá thu vàng rục. Ba người bàn về việc chọn pháp danh cho người nhập môn sau cùng. Hai người kia vo quả mỏng toi viết vào bàn tay rồi cùng chìa cho nhau xem, cùng cười ha hả:

”Mộc Tâm!”

Hai ông đã hiệp ý với nhau, nhưng còn hỏi, cốt để dò ý người sắp nhận pháp danh:

”Chỉ tội cái tên nghe có vẻ đàn bà?”

Người sắp nhận pháp danh tùm tùm cười nói:

”Tôi tới đây vì chuyện nam nữ. Tôi ở lại đây vì không phân biệt nam nữ nữa. Không phân biệt gì nữa.”

Cả ba lại cười sảng khoái vang động cả khu rừng.

”Thế huynh không chấp chuyện phu nhân bị hai tên ô trọc này làm nhục?”

Một trong hai nhà sư nói, tay trái trở vào mình, đồng thời tay phải trở vào nhà sư kia.

Hắn nghĩ chính hắn cũng đã có lần hiếp vợ người trong tư tưởng. Đó là lúc hắn đứng trên sườn đồi nhìn người đàn bà chèo đò uốn éo một mình trên sông vắng, chưa nhận ra vợ mình, và lòng dào dạt tà ý. Ôi! Tội phúc, duyên nghiệp, tất cả ở trong tư thân. Hắn mỉm cười, tự chỉ vào ngực mình:

”... ba tên tội phạm, chứ không phải hai.”

Cả ba vừa định phá ra cười thì nghe nhịp sáu quen thuộc *”cốc cốc cốc cốc cốc cốc”*. Họ cùng lắng tai nghe con chim gõ mõ.

Mộc Tâm nhớ lại lời nhà sư nói con chim đã gõ như thế cả triệu năm. Và ông hiểu ông phải chia sẻ định mệnh với cả một rừng nhân loại mệnh mỏng. ông nhìn thấy chân tướng chúng sinh lấp lánh trong chân tướng mình.

Mộc Tâm cầm dùi gõ xuống chiếc mõ đặt trước mặt.

6.

Mộc Tâm, sau bảy năm gõ mõ trên rừng, vẫn không hay biết, và không bao giờ để tâm tìm biết, trong hai nhà sư kia ai là người trước khi phát tâm đã là tên dâm đạo. Mộc Tâm chỉ biết, do chấp nổi những mầu tin tình cờ, là:

Cái đêm nhà sư thứ nhất thấy người khách lạ vào am, đã biết là một tay đạo tặc cùng đường; và trong đường cùng, hắn miễn cưỡng tiếp nhân kinh mõ. Hắn ngồi chồm hồm tụng kinh, trong khi nhà sư thứ nhất xuống làng chữa thương cho

người đàn bà. Xong việc nhà sư đi nhàn du hoặc khát thực. Thỉnh thoảng ông trở lên núi điếm hóa cho tên dâm tặc sám hối. Hấn đổi thế ngồi chồm hồm sang ngồi kiết già mà tụng kinh Phật.

Người đàn bà, qua thời gian, nhan sắc có chút phai tàn, nhưng vẫn còn xinh đẹp và dáng điệu chèo đò yếu điệu, đôi khi say đắm như hời son trẻ, vẫn làm cho nhiều khách nam nhi xốn xang sóng lòng. Mỗi năm vài lần nhà sư Mộc Tâm gánh măng khô và đồ đan tre nứa xuống núi đổi muối, tương và dầu đèn. Ông phải đi đò ngang. Người đàn bà nhìn mà không nhận ra chồng cũ. Ông thường nói ra sông nước mà ngâm bài kệ tự làm:

*”Gỗ không nổi không chìm
Thuyền nổi vì khoang rộng
Thuyền chìm bởi đặc tim
Mộc tánh Bồ đề tánh.”*

Một ngày tiết xuân, hoa mai nở trắng sườn đồi và én liệng la đà mặt sông, ông vớ vào ván thuyền mà ngâm:

”Vượt đi, vượt đi, vượt sang bên kia, đậu tại bên kia”.

Người đàn bà chèo đò chở khách cập bến, cất tiếng:

”Tới bến rồi!”

Khách lên bờ, bà vẫn cầm sào chờ chuyến khác, nhìn xa xa lẩm bẫm:

”Vượt đi, vượt đi, vượt sang bên kia, đậu tại bên kia”.